

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/DS-ST

Ngày: 24 - 8 - 2022

V/v: “Tr/chấp Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Tạ Quang Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 92/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ánh K**, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Trường Giang**, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2. Ông **Phạm Hoàng Khải**, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3. Ông **Phạm Minh Tiền**, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào năm 2013, 2014, 2015 bà Lê Thị Ánh Kiều có chơi nhiều phần hội do bà Võ Thị Bạch làm chủ hội, bà chưa hốt hội lần nào. Đến cuối năm 2015, thì bà Bạch bị bể hội, từ đó đến nay bà Kiều đã nhiều lần đòi lại số tiền hội mà bà đã đóng hội cho bà Bạch mà bà Bạch cố tình trốn tránh không trả. Cụ thể như sau:

- Năm 2013, bà Kiều có chơi 01 phần hội tháng 2.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 20/08/2013 âm lịch, dây hội này có 27 phần, bà đã đóng được 26 phần. Trong giấy hội ghi tên là “cậu Tiên” là tên em của bà Kiều, ông Tiên chỉ đứng tên dùm nhưng trên thực tế tiền hội là do bà Kiều tự đóng. Số tiền kêu hội mỗi lần giao động trên dưới 500.000 đồng, nên bà Kiều lấy trung bình là 500.000 đồng. Số tiền hội mà bà đã đóng là 1.500.000 đồng x 26 phần = 39.000.0000 đồng.

- Năm 2014, bà Kiều chơi 05 phần hội:

+ 01 phần hội 1.000.000 đồng/tháng, dây hội này có 28 phần, khai ngày 15/3/2014 âm lịch. Bà Kiều đã đóng được 19 phần, trong giấy hội ghi tên là “Dì Hai Kiều”. Số tiền kêu hội mỗi lần giao động trên dưới 300.000 đồng, nên bà Kiều lấy trung bình là 300.000 đồng. Số tiền hội mà bà đã đóng là 700.000 đồng x 19 phần = 13.300.000 đồng.

+ 02 phần hội 500.000 đồng/tháng, dây hội này 22 phần, khai ngày 30/7/2014 âm lịch. Mỗi 01 phần hội bà Kiều đóng được 15 lần, trong giấy hội ghi tên là “Dì Hai Kiều”. Số tiền kêu hội mỗi lần giao động trên dưới 150.000 đồng, nên bà Kiều lấy trung bình là 150.000 đồng. Số tiền hội mà bà đã đóng là $(15 \times 350.000 \text{ đồng}) \times 2 = 10.500.000 \text{ đồng}$

+ 02 phần hội 500.000 đồng/tháng, dây hội 28 phần, khai ngày 15/3/2014 âm lịch. Mỗi 01 phần hội bà đóng được 19 lần. Trong giấy hội ghi tên là “Dì Hai Kiều”, “cậu Khải” là tên em của bà Kiều, ông Khải chỉ đứng tên dùm nhưng trên thực tế tiền hội là do bà Kiều tự đóng. Số tiền kêu hội mỗi lần giao động trên dưới 150.000 đồng, nên bà Kiều lấy trung bình là 150.000 đồng. Số tiền hội mà bà đã đóng là $(19 \times 350.000 \text{ đồng}) \times 2 = 13.300.000 \text{ đồng}$.

- Năm 2015 chơi 01 phần hội 1.000.000 đồng/tháng, dây hội này có 26 phần, khai ngày 10/3/2015 âm lịch. Đã đóng được 06 lần. trong giấy hội ghi tên là “Dì Hai Kiều”. Số tiền kêu hội mỗi lần giao động trên dưới 200.000 đồng, nên bà Kiều lấy trung bình là 200.000 đồng. Số tiền hội mà bà đã đóng là 800.000 đồng x 6 = 4.800.000 đồng.

Các phần hội trên chủ hội là bà Bạch, còn ông Giang là chồng của bà Bạch đi thu hội chung với bà Bạch, chứ không phải là chủ hội. Nay bà Kiều yêu cầu bà Bạch và ông Giang phải trả cho bà số tiền nợ hội là 80.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Vì bà Bạch và ông Giang là vợ chồng.

Bị đơn bà Võ Thị Bạch, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Trường Giang đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Bạch, ông Giang nhưng bà Bạch, ông Giang không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Hoàng Khải, ông Phạm Minh Tiền thống nhất trình bày: ông Khải và ông Tiền chỉ đứng tên trong giấy hội dùm cho bà Kiều, còn việc đóng tiền và chơi hội hoàn toàn do bà Kiều tự đóng, ông Khải và ông Tiền không biết. Trong vụ án này ông Khải và ông Tiền cũng không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà Lê Thị Ánh Kiều khởi kiện bà Võ Thị Bạch trả lại số tiền hội làm phát sinh quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Võ Thị Bạch và ông Trần Trường Giang mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong danh sách hội tháng hội 500.000 đồng/tháng khai ngày 15/3/2014 và 2.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 20/08/2013 âm lịch thể hiện người tham gia vô hội là “cậu Khải”, “cậu Tiền” tức là ông Phạm Hoàng Khải và ông Phạm Minh Tiền. Ông Khải và ông Tiền thừa nhận chỉ đứng tên dùm cho bà Kiều, còn bà Kiều mới là người trực tiếp chơi và đóng tiền hội. Nên xác định bà Kiều là người có quyền khởi kiện tranh chấp đây hội này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định giữa bà Kiều và bà Bạch có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau. Bà Kiều yêu cầu bà Bạch và ông Giang phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 80.900.000 đồng. Bà Kiều đã cung cấp cho Tòa án các danh sách hụi tháng 2.000.000 đồng/tháng hụi khai ngày 20/08/2013 âm lịch, 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 15/3/2014 âm lịch, 500.000 đồng/tháng khai ngày 15/3/2014 âm lịch, 500.000 đồng/tháng khai ngày 30/7/2014 âm lịch, 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 10/3/2015 âm lịch. Thể hiện người tham gia vô hụi là “Dì Hai Kiều”, “cậu Khải”. “cậu Tiên”.

Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự thấy rằng cả nguyên đơn và bị đơn đều giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hụi giữa bà Kiều và bà Bạch là hợp pháp. Bà Bạch và ông Giang đã nhận trực tiếp thông báo thụ lý vụ án biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà Kiều nhưng bà Bạch và ông Giang không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và cũng không chứng minh việc đã thanh toán xong một phần hay toàn bộ số tiền hụi theo yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh như sau “...Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó...”. Như vậy, có căn cứ xác định thực tế bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền hụi 80.900.000 đồng là đúng. Bà Bạch là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ do tổ chức các dây hụi mà không duy trì được đến ngày hụi mãn, số tiền góp hụi của các hụi viên chưa được tính toán để hoàn lại. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm trả nợ nguyên đơn yêu cầu bà Bạch và ông Giang liên đới trả số nợ trên. Xét nguyên đơn thừa nhận chủ hụi là bà Bạch, ông Giang chỉ chở bà Bạch đi thu tiền hụi. Mặt khác, nguyên đơn cũng không nộp được chứng cứ chứng minh bà Bạch và ông Giang có phải vợ chồng hợp pháp hay không nên không thể buộc ông Giang liên đới trả số nợ trên.

[6] Khi khởi kiện, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về chi phí tố tụng, bị đơn chịu án phí 5% tương ứng nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh Kiều. Buộc bà Võ Thị Bạch có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ánh Kiều số tiền nợ hội là 80.900.000 đồng (Tám mươi triệu chính trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Bạch phải nộp 4.045.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007054 ngày 30/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Phong Điền;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu HS (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Thịnh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải

Tạ Quang Trung

Nguyễn Tiến Thịnh